

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2026/DS-ST
Ngày: 16-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Ngọc Dung

Ông Lê Văn Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Phúc Thiện Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh: ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 371/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: **Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh**.

- *Bị đơn:* Ông **Trịnh Quang T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: **Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh**.

(Ông **Q**, ông **T** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2026 của ông **Nguyễn Văn Q** và các lời trình bày có trong hồ sơ có nội dung:

Ngày 11/11/2024, ông **Trịnh Quang T** có vay của ông số tiền là 50.000.000đ, khi vay có lập văn bản thỏa thuận lãi suất là 20%/năm, thời hạn trả là vào ngày 11/11/2025, mục đích vay vốn làm ăn. Tuy nhiên, đến khi hết hạn vay tiền là ngày 11/11/2025 thì ông **T** không trả tiền gốc vay cho ông. Ông xác định là trong thời gian vay thì ông **T** có trả lãi cho ông đến tháng 5/2025 thì ngưng trả lãi. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông **T** trả cho ông số tiền gốc vay là 50.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 11/6/2025 đến ngày nộp đơn khởi kiện là 09 tháng với mức lãi suất là 20%/năm là 7.500.000đ, tổng cộng là 57.500.000đ.

Ngày 29/5/2026, ông Q có đơn đề nghị cho ông được vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Bị đơn, ông Trịnh Quang T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Trịnh Quang T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện đòi tiền vay của ông Q. Phiên tòa hôm nay, ông T cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo họp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Trịnh Quang T có địa chỉ cư trú tại xã T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Q, Bị đơn là ông Trịnh Quang T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập các đương sự đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T không chấp hành. Riêng ông Q vì lý do công việc đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Quang T trả cho ông số tiền gốc vay là 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/6/2025 đến ngày nộp đơn khởi kiện là 7.500.000đ. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Q có cung cấp “Biên nhận” ngày 11/11/2024 có chữ ký và chữ viết tên ông Trịnh Quang T. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nội dung “Biên nhận” ngày 11/11/2024 có chữ ký và chữ viết tên Trịnh Quang T thì đủ cơ sở để xác định ông T có vay ông Q số tiền là 50.000.000đ, lãi suất vay các bên thỏa thuận là 20%/năm. Ông T được tòa án triệu tập họp lệ, biết được việc ông Q khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền đã vay nhưng ông T không có ý kiến gì đối với khoản tiền vay này nên việc ông Q khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền gốc vay 50.000.000đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về lãi suất cho vay: Căn cứ theo “Biên nhận” ngày 11/11/2024 thì Hội đồng xét xử nhận thấy các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 20%/năm. Xét thấy, mức lãi suất cho vay các bên tự thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Trong quá trình vay, ông Q xác định ông T có trả tiền lãi cho ông đến Tháng 5/2025 thì mới vi phạm nghĩa vụ trả lãi, ông T không chứng minh được việc ông trả lãi cho ông Q đến thời gian nào nên chỉ có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Q, buộc ông T

phải tiếp tục chịu lãi suất trong hạn từ ngày 11/6/2025 cho đến ngày 11/11/2025 với mức lãi suất là 20%/năm. Đối với lãi suất quá hạn, ông Q cũng chỉ yêu cầu tính lãi suất quá hạn theo mức lãi suất là 20%/năm và chỉ yêu cầu tính lãi suất đến ngày ông Q nộp đơn khởi kiện được tính tròn 09 tháng là có lợi cho bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận, tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

$$50.000.000đ \times 20\%/năm \times 09 \text{ tháng} = 7.500.000đ.$$

Tổng cộng, số tiền ông T phải trả cho ông Q là: gốc vay 50.000.000đ + tiền lãi 7.500.000đ = 57.500.000đ.

[5] Về phương thức thanh toán: Ông Q yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả tiền vay, ông T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T trả cho ông Q số tiền trên sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân thủ pháp luật trong giai đoạn tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q yêu cầu ông Trịnh Quang T trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền gốc vay là 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 7.500.000đ, tổng cộng là 57.500.000đ.

Buộc ông Trịnh Quang T trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền gốc vay là 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 7.500.000đ, tổng cộng là 57.500.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.875.000đ.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự; Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- THA DS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh